**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TP. BUÔN MA THUỘT**
**TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:*** Ông Phạm Văn Vĩ

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1.Bà Nguyễn Thị Bạn

2. Ông Phạm Cảm

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân T phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột***: Bà Trần Thị H Thắm – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 19/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H (Có mặt)

Địa chỉ: 78 H, T phố B, tỉnh Đắk Lắk

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T(Vắng mặt)

Địa chỉ: 99 , T phố B, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện không ai bị ép buộc có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 23/07/2013 tại UBND Phường T,thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau. Chị H – anh T đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng chị H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Chị H xin được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

-Về con chung:Vợ chồng chị H anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức T**: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng anh T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như nguyên đơn đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn không chấp hành tốt.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Đề nghị HĐXX cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Đức T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Đức T nhưng anh T không lên Tòa án làm việc mà chỉ có chị Nguyễn Thị H lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Đức T cũng như tiến hành hòa

giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Anh Nguyễn Đức T có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại 99 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh T thường đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà thăm gia đình.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/07/2013 là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau. Chị H – anh T đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.Như vậy chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị H và cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

*** Về con chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

***Về tài sản chung, nợ chung**: Chị Nguyễn Thị H xác định không có,không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

**2. Về con chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T không có con chung nên không đề cập tới.

**3. Về tài sản chung, nợ chung**: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

**4.Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0003058 ngày 11/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.

Anh Nguyễn Đức T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi  hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dânsự.

***Nơi nhận:***
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND phường T, TP.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Phạm Văn Vĩ**